TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ PLEIKU
TỈNH GIA LAI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 11/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 05/3/2018
V/v "Không công nhận là vợ chồng"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ PLEIKU, TỈNH GIA LAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Hồng.
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Bà Lê Thị Thanh Cường.
2. Bà Tô Thị Lành.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Thúy Vân – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai

Ngày 05 tháng 3 năm 2018, tại Tòa án nhân dân thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 630/2017/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 10 năm 2017, về "Không công nhận là vợ chồng" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 14/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 23 tháng 02 năm 2018 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Võ Xuân Q, sinh năm 1963. Địa chỉ: 49/1 đường H, tổ 4, phường T, thành phố P, tỉnh Gia Lai. Có mặt.
- Bị đơn: Bà Phạm Thị Lưu P, sinh năm 1970. Địa chỉ: 49/1 đường H , tổ 4, phường T, thành phố P, tỉnh Gia Lai. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 10/10/2017, tại bản khai và tại phiên tòa nguyên đơn là ông Võ Xuân Q trình bày:

Ông Võ Xuân Q và bà Phạm Thị Lưu P sống chung với nhau từ năm 1994 đến năm 2010 thì không sống với nhau nữa, khi về sống chung với nhau thì không có đăng ký kết hôn.

Thời gian đầu thì hai người sống không có mâu thuẫn gì sau đó phát sinh mâu thuẫn và ngày càng trầm trọng nên ông Q và bà P không sống chung với nhau từ năm 2010 cho đến nay, hai người không ai quan tâm đến ai. Nên nay ông Q làm đơn yêu cầu Tòa án không công nhận vợ chồng giữa ông Q với bà P.

Về con chung: Có 02 con chung tên Võ Quỳnh T, sinh ngày 29/9/1994 và Võ Nhật H, sinh ngày 27/8/1997. Hiện nay 02 con đã trưởng thành và tự lập được cuộc sống nên ông Q không yêu cầu giải quyết việc nuôi con và cấp dưỡng.

Về tài sản chung: Ông Q và bà P có tài sản chung nhưng đã tự thỏa thuận được nên không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

Ý kiến của bị đơn bà Phạm Thị Lưu P trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa như sau:

Bà Phạm Thị Lưu P và ông Võ Xuân Q sống chung với nhau từ năm 1994 đến năm 2010 thì không sống chung với nhau nữa, khi về sống chung với nhau thì không có đăng ký kết hôn đúng như lời trình bày của ông Q. Từ năm 2010 phát sinh mâu thuẫn, hai người không sống chung với nhau và không ai quan tâm đến ai nay ông Q yêu cầu Tòa án không công nhận là vợ chồng giữa bà P và ông Q thì bà P đồng ý.

Về con chung; tài sản chung, nợ chung: đúng như ông Q trình bày ở trên và bà không có yêu cầu gì.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng. Tòa án nhân dân thành phố Pleiku nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Ông Võ Xuân Q có đơn yêu cầu tòa án giải quyết Không công nhận là vợ chồng với bà Phạm Thị Lưu P, địa chỉ: 49/1 đường H, tổ 4, phường T, thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai. Căn cứ Điều 28; khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án trên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai.

[2] Xét yêu cầu của nguyên đơn ông Q yêu cầu Tòa án không công nhận là vợ chồng giữa ông Q và bà P.

Ông Q và bà P tự nguyện sống chung với nhau từ năm 1994 nhưng không đi đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Quá trình chung sống 02 người đã có con chung, tài sản chung sau đó phát sinh mâu thuẫn và không sống chung với nhau từ năm 2010 đến nay. Căn cứ vào điểm b, khoản 3 Nghị quyết 35 của Quốc hội, ban hành ngày 09/6/2000 về thi hành Luật hôn nhân gia đình, thì quan hệ giữa ông Q và bà P thuộc trường hợp "Nam và nữ chung sống với nhau như vợ chồng từ ngày 03 tháng 01 năm 1987 đến ngày 01 tháng 01 năm 2001, mà có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật này thì có nghĩa vụ đăng ký kết hôn trong thời hạn hai năm, kể từ ngày Luật này có hiệu lực cho đến ngày 01 tháng 01 năm 2003; trong thời hạn này mà họ không đăng ký kết hôn, nhưng có yêu cầu ly hôn thì Toà án áp dụng các quy định về ly hôn của Luật hôn nhân và gia đình năm 2000 để giải quyết.

Từ sau ngày 01 tháng 01 năm 2003 mà họ không đăng ký kết hôn thì pháp luật không công nhận họ là vợ chồng. Nên yêu cầu của ông Q được Tòa án chấp nhận.

[4] Về con chung: Có 02 con chung tên Võ Quỳnh T, sinh ngày 29/9/1994 và Võ Nhật H, sinh ngày 27/8/1997. Hiện nay 02 con đã trưởng thành và tự lập được cuộc sống nên ông Q, bà P không yêu cầu giải quyết việc nuôi con và cấp dưỡng.

[5]Về tài sản chung: Ông Q và bà P có tài sản chung nhưng đã tự thỏa thuận được nên không yêu cầu giải quyết.

[6]Về nợ chung: Không có.

[7] Về án phí: Ông Q là nguyên đơn nên phải chịu án phí sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng: Điều 11 Luật hôn nhân gia đình năm 2000; Điểm b, khoản 3 Nghị quyết số: 35/2000/NQ-QH10, ngày 09/6/2000 của Quốc Hội về thi hành Luật hôn nhân gia đình

- Áp dụng: Điều 28; khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Võ Xuân Q

Không công nhận vợ chồng giữa ông Võ Xuân Q với bà Phạm Thị Lưu P.

Về con chung: Có 02 con chung tên Võ Quỳnh T, sinh ngày 29/9/1994 và Võ Nhật H, sinh ngày 27/8/1997. Hiện nay 02 con đã trưởng thành và tự lập được cuộc sống nên ông Q, bà P không yêu cầu giải quyết việc nuôi con.

Về cấp dưỡng: Không yêu cầu.

Về tài sản chung: Hai bên tự thỏa thuận không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

Về án phí: Ông Võ Xuân Q phải chịu 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) tiền án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm được khấu trừ số tiền mà ông Q đã nộp tạm ứng án phí là 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) theo biên lai số 0003647 ngày 10/10/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai, như vậy ông Võ Xuân Q đã nộp đủ tiền án phí.

Nguyên đơn, bị đơn có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- VKSND Tp. Pleiku;
- Chi cục THADS tp Pleiku;
- TAND tỉnh Gia Lai;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ PLEIKU
TỈNH GIA LAI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Pleiku, ngày 28 tháng 10 năm 2016

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ PLEIKU, TỈNH GIA LAI

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
- *Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà:* Bà **Nguyễn Thị Xuân Hồng**
- *Các hội thẩm nhân dân:* Bà **Trần Thị Lê Na** và ông **Ngô Xuân Dệt**

Căn cứ vào Điều 264 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Vào hồi 08 giờ 40 phút, ngày 28/10/2016, tại phòng nghị án, hội đồng xét xử sơ thẩm đã tiến hành nghị án đối với vụ án "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" giữa nguyên đơn là chị Phạm Thị Tường N với bị đơn là anh Trần Quang V.

Căn cứ vào các chứng cứ đã được thẩm tra tại phiên toà, trên cơ sở xem xét đầy đủ toàn diện ý kiến của những người thạm gia tố tụng; Hội đồng xét xử thảo luận và biểu quyết về những vấn đề phải giải quyết trong vụ án như sau:

1. Về điều luật áp dụng:

- Căn cứ Điều 147; khoản 2 Điều 227 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;
- Áp dụng các Điều 9, 51, 53, 56, 58, 81, 82, 83 và 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;
- Áp dụng khoản 8 Điều 27 Pháp lệnh số 10/2009/UBTVQH12 ngày 27/02/2009 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Kết quả biểu quyết: 3/3

2. Về nội dung vụ án:

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Phạm Thị Tường N.

Về hôn nhân: Chị Phạm Thị Tường N được ly hôn với anh Trần Quang V.

Về con chung: Giao con chung là cháu Trần Bảo N, sinh ngày 16/5/2015 cho chị Phạm Thị Tường N được tiếp tục trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng cho đến khi con thành niên hoặc đã thành niên bị mất năng lực hành vi dân sự không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Người không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi con.

Nếu người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người không trực tiếp nuôi con.

Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của pháp luật; Toà án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con sau khi ly hôn.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Kết quả biểu quyết: 3/3

3. Về án phí và các nội dung khác:

- Về án phí: Chị Phạm Thị Tường N phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) tiền án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0002818 ngày 29/4/2016 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai; chị Nhi đã nộp đủ tiền án phí ly hôn sơ thẩm.

Kết quả biểu quyết: 3/3

- Về quyền kháng cáo: Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, nguyên đơn có quyền làm đơn kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai yêu cầu xét xử phúc thẩm; đối với bị đơn vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Kết quả biểu quyết: 3/3

HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**